

Số: 14/2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...6...
Ngày: 14/7/2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT

ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

CÔNG VĂN BẢN
Hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020

Giờ Ngày 14/7.....
Kính chuyển: T.T.T

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Thực hiện Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 và Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm

2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.”

2. Bổ sung điểm i, điểm k vào khoản 2 Điều 8 như sau:

"i) Dịch vụ viễn thông công ích thuê truyền dẫn vi ba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo;

k) Dịch vụ viễn thông công ích thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Điểm a khoản 1 bổ sung cụm từ vào cuối điểm như sau:

“và người sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp”

b) Điểm h khoản 1 bỏ cụm từ như sau:

“tốc độ 2 Mbps có dự phòng”

c) Điểm c khoản 2 bỏ cụm từ như sau:

“Cát Hải, Cô Tô, Lý Sơn, Phú Quốc, Vân Đồn”

d) Bổ sung điểm đ và điểm đ vào khoản 2 như sau:

“đ) Doanh nghiệp viễn thông thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo;

đ) Doanh nghiệp viễn thông thuê truyền dẫn vi ba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo.”

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Đối tượng thụ hưởng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 9; các điểm truy nhập Internet công cộng nêu tại điểm b khoản 2 Điều 9 và các đảo thuộc huyện đảo được doanh nghiệp viễn thông thuê kênh truyền dẫn vệ tinh, thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng nêu tại điểm d,

điểm đ khoản 2 Điều 9 Thông tư này được lập thành danh sách đối tượng thụ hưởng và được Sở Thông tin và Truyền thông (Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch đối với tỉnh Bạc Liêu) xác nhận.

a) Đối tượng phát sinh trong quý ngoài danh sách đối tượng thụ hưởng đã được xác nhận, doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận để hỗ trợ đối tượng đó từ quý tiếp theo;

b) Đối tượng thụ hưởng trong danh sách đối tượng thụ hưởng đăng ký ngừng hỗ trợ, doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông và ngừng hỗ trợ cho đối tượng.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Điều kiện nhận hỗ trợ

a) Đầu thu truyền hình số mặt đất: Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất, đã có máy thu hình công nghệ tương tự chưa tích hợp tính năng thu truyền hình số theo chuẩn DVB-T2, chưa có đầu thu truyền hình số DVB-T2, chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình Internet (IPTV) trong thời gian triển khai hỗ trợ tại địa phương.

b) Đầu thu truyền hình số qua vệ tinh: Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng hỗ trợ đầu thu truyền hình số qua vệ tinh, đã có máy thu hình, không thu xem được truyền hình số mặt đất DVB-T2 và chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình Internet (IPTV) trong thời gian triển khai hỗ trợ tại địa phương.

c) Đơn đề nghị nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số có xác nhận là hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã, phường, thị trấn theo Mẫu 01/THS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thời gian thực hiện hỗ trợ

Thời gian thực hiện hỗ trợ theo lộ trình của Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 được quy định tại Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 14/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện của Ban Chỉ đạo Đề án số hóa truyền hình Việt Nam theo từng giai đoạn.”

6. Sửa đổi tên Chương III như sau:

“Chương III: KIỂM TRA, GIÁM SÁT, BÁO CÁO, TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN”

7. Bổ sung Điều 20a vào Chương III như sau:

“Điều 20a. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán dự án, hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

1. Tạm ứng, thanh toán các hợp đồng thuộc dự án thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình áp dụng quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quyết toán dự án hoàn thành áp dụng quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 như sau:

a) Mẫu 01/DV: Sửa đổi, bổ sung nội dung các Phụ biểu 02, Phụ biểu 04. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Mẫu 02/DV: Bổ sung các Phụ biểu 07, Phụ biểu 08. Nội dung Phụ biểu bổ sung cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Mẫu 03/DV: Sửa đổi, bổ sung nội dung các Phụ biểu 02, Phụ biểu 08, Phụ biểu 10, Phụ biểu 11; bổ sung các Phụ biểu 12, Phụ biểu 13. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Mẫu 05/DV: Sửa đổi, bổ sung nội dung các Phụ biểu 02, Phụ biểu 03, Phụ biểu 08, Phụ biểu 09, Phụ biểu 10, Phụ biểu 18, Phụ biểu 21, Phụ biểu 22; bổ sung các Phụ biểu 24, Phụ biểu 25. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Mẫu 06/DV: Sửa đổi, bổ sung nội dung các Phụ biểu 02, Phụ biểu 04. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Sửa đổi, bổ sung nội dung các mẫu: Mẫu 01/THS, Mẫu 02/THS, Mẫu 03/THS, Mẫu 04/THS, Mẫu 05/THS và Mẫu 06/THS. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư, hợp đồng đặt hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 của Bộ

trường Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

2. Việc hỗ trợ đầu tư truyền hình số trong năm 2020 thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

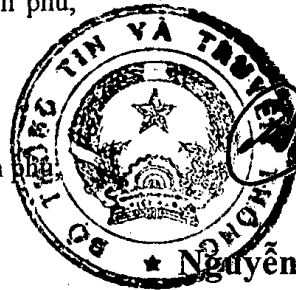
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Văn phòng: Tổng Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Trung ương và các Ban của Đảng
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TT&TT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử CP;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, QLDN (100).

BỘ TRƯỞNG



★ Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1:
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC MẪU TẠI PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO
THÔNG TƯ SỐ 08/2016/TT-BTTTT NGÀY 30/3/2016 CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

1. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 01/DV

1.1. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 02

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Nội dung ²⁾ phần Ghi chú bỏ cụm từ “, dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang của Tập đoàn Điện lực Việt Nam”.

1.2. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 04

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Nội dung ²⁾ phần Ghi chú bỏ cụm từ “, dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang của Tập đoàn Điện lực Việt Nam”.

2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 02/DV

2.1. Bổ sung Phụ biểu 07

Nội dung bổ sung như sau:

Doanh nghiệp:...

MẪU 02/DV Phụ biểu 07
(Ban hành kèm theo TT số 14./2020/TT-BTTTT)

DANH SÁCH CÁC ĐẢO THUỘC HUYỆN ĐẢO ĐƯỢC DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG THUÊ TRUYỀN DẪN VIBA SỐ ĐỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢNG RỘNG

Phát sinh trong Quý năm

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Số hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Dung lượng kênh (MHz)	Ghi chú
A	B	C	D	1	2	3	4
1							
2							
3							
4							
...							

....., ngày.....tháng năm

**XÁC NHẬN CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Phụ biểu này do doanh nghiệp viễn thông lập trên cơ sở tổng hợp thông tin từ các hợp đồng thuê truyền dẫn viba số kết nối tới các huyện đảo và Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận.

Cách lập biểu:

Cột (A): Ghi số thứ tự của đảo.

Cột (B): Ghi mã huyện (theo quy định tại Quyết định 124/2004/QĐ-TTG về việc ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam) của đảo.

Cột (C): Ghi tên huyện đảo.

Cột (D): Ghi tên đảo.

Cột (1): Ghi số hợp đồng thuê truyền dẫn viba số kết nối ra đảo.

Cột (2): Ghi thời hạn hợp đồng.

Cột (3): Ghi dung lượng kênh (MHz).

2.2. Bổ sung Phụ biểu 08

Nội dung bổ sung như sau:

Doanh nghiệp:...

MẪU 02/DV Phụ biểu 08
(Ban hành kèm theo TT số 14/2020/TT-BTTTT)

**DANH SÁCH CÁC ĐẢO THUỘC HUYỆN ĐẢO ĐƯỢC DOANH NGHIỆP VIỄN
THÔNG THUÊ KÊNH TRUYỀN DẪN VỆ TINH
ĐỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ BĂNG RỘNG**
Phát sinh trong Quý năm

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Số hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Dung lượng kênh (MHz)	Ghi chú
A	B	C	D	1	2	3	4
1							
2							
3							
4							
...							

....., ngày.....tháng năm

**XÁC NHẬN CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Phụ biểu này do doanh nghiệp viễn thông lập trên cơ sở tổng hợp thông tin từ các hợp đồng thuê kênh truyền dẫn vệ tinh kết nối tới các huyện đảo và Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận.

Cách lập biểu:

Cột (A): Ghi số thứ tự của đảo.

Cột (B): Ghi mã huyện (theo quy định tại Quyết định 124/2004/QĐ-TTG về việc ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam) của đảo.

Cột (C): Ghi tên huyện đảo.

Cột (D): Ghi tên đảo.

Cột (1): Ghi số hợp đồng thuê kênh truyền dẫn vệ tinh kết nối ra đảo.

Cột (2): Ghi thời hạn hợp đồng.

Cột (3): Ghi dung lượng kênh (MHz).

3. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 03/DV

3.1. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 02

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sau dòng “Trường học” cột B sửa cụm từ “Gói cước 1 (4 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps”, sửa cụm từ “Gói cước 3 (32 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps”, sửa cụm từ “Gói cước 4 (45 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps”, bổ sung thêm 01 dòng với nội dung cột B “Gói cước từ 45Mbps trở lên”;

- Sau dòng “Bệnh viện” cột B sửa cụm từ “Gói cước 2 (12 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps”, sửa cụm từ “Gói cước 3 (32 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps”, sửa cụm từ “Gói cước 4 (45 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps”, bổ sung thêm 01 dòng với nội dung cột B “Gói cước từ 45Mbps trở lên”;

- Sau dòng “UBND xã” cột B sửa cụm từ “Gói cước 1 (4 Mbps)” thành cụm từ “Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps”, bổ sung thêm 03 dòng với nội dung cột B lần lượt là “Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps”, “Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps”, “Gói cước từ 45Mbps trở lên”.

3.2. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 08

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sau dòng “**Tỉnh A**” cột B bổ sung thêm 01 dòng với nội dung cột B “Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất”, sau dòng “116” cột C bổ sung thêm 01 dòng với nội dung cột B “Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất” và bổ sung thêm 03 dòng với nội dung cột C lần lượt là “113”, “114”, “115”;

- Tương tự đối với sau dòng “**Tỉnh B**” cột B.

3.3. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 10

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Dòng “Thuê kênh băng C - VINASAT” sửa từ “kênh” cột 2 và cột 5 thành từ “MHz”;

- Dòng “Thuê bao VSAT-IP” sửa cụm từ “thuê bao” cột 2 và cột 5 thành cụm từ “Lượt thuê bao”;

- Sau dòng “Viễn thông vệ tinh Inmarsat”:

+ Bỏ dòng “Thoại/Fax/Truyền số liệu của Inmarsat M đến mạng viễn thông cố định mặt đất”;

+ Dòng “Inmarsat trả sau loại IsatPhonePro” sửa cụm từ “Inmarsat trả sau loại IsatPhonePro” cột B thành cụm từ “Inmarsat trả sau loại IsatPhone”, sửa cụm từ “thuê bao” cột 2 và cột 5 thành cụm từ “Lượt thuê bao”;

+ Dòng “Inmarsat trả sau loại BGAN” sửa cụm từ “thuê bao” cột 2 và cột 5 thành cụm từ “Lượt thuê bao”

+ Bỏ dòng “Inmarsat trả trước”;

+ Thêm 08 dòng với các nội dung cột B, cột 2, cột 5 các dòng là “Thoại đến mạng cố định” “Phút” “Phút”, “Thoại đến mạng di động” “Phút” “Phút”, “Thoại đến BGAN Family” “Phút” “Phút”, “Thoại đến Inmarsat IsatPhone” “Phút” “Phút”, “Tin nhắn (SMS)” “Tin nhắn” “Tin nhắn”, “Background IP” “Mbyte” “Mbyte”, “Fax 3.1 kHz/ISDN đến BGAN Family” “Phút” “Phút”, “Đến các mạng vệ tinh khác” “Phút” “Phút”.

3.4. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 11

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa cụm từ “Phụ biểu 11” thành cụm từ “Phụ biểu 13”;

- Bổ sung thêm 01 cột sau cột 1 và 02 cột sau cột 10, sau khi bổ sung, nội dung các cột được sửa thành như sau: cột 1 “**Dịch vụ ĐT cố định HN, HCN**”, cột 2 “**Dịch vụ thông tin di động HN, HCN**”, cột 3 “**Internet TH, BV, UB xã**”, cột 4 “**Di động hàng hải qua HF**”, cột 5 “**Thuê kênh cố định mặt đất**”, cột 6 “**Đường truyền dẫn cáp quang ra đảo**”, cột 7 “**Điểm TN Internet công cộng**”, cột 8 “**Truyền hình sử dụng băng tần Ku của vinasat**”, cột 9 “**Dịch vụ khẩn cấp, dịch vụ tra cứu ĐT**”, cột 10 “**Tìm kiếm cứu nạn trên biển qua HF**”, cột 11 “**Hoạt động c/đạo đ/hành phòng chống thiên tai**”, cột 12 “**Dịch vụ vệ tinh ra đảo**”, cột 13 “**Dịch vụ viba số ra đảo**”, cột 14 “**Kế hoạch kinh phí theo tỉnh**”, cột 15 “**Ghi chú**”;

- Phân Ghi chú sửa “cột (9), cột (10)” thành “Cột (10), Cột (11)”.

3.5. Bổ sung Phụ biểu 12

Nội dung bổ sung như sau:

Doanh nghiệp:...

MẪU 03/DV Phụ biểu 12

(Ban hành kèm theo TT số 14/2020/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ THUÊ TRUYỀN DẪN VIBA SỐ RA HUYỆN ĐẢO

Năm...

STT	Mã huyện	Tên đảo	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
			Giá trị hóa đơn	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Giá trị hóa đơn	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
1	A	B	1	2	3	4	5
2							
3							
4							
5							
...	Cộng:						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (2), cột (4) kinh phí bằng tỷ lệ hỗ trợ nhân với giá trị trước thuế VAT trên hóa đơn thuê truyền dẫn viba số.

- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

3.6. Bổ sung Phụ biểu 13

Nội dung bổ sung như sau:

Doanh nghiệp:...

MẪU 03/DV Phụ biểu 13
(Ban hành kèm theo TT số 14/2020/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ THUÊ KÊNH TRUYỀN DẪN VỆ TINH RA HUYỆN ĐẢO

Năm...

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
				Sản lượng (Mhz)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Sản lượng (Mhz)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1								
2								
3								
4								
...								
	Cộng:							

..., ngày....tháng năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (2), Cột (4) kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (Mhz).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

4. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 05/DV

4.1. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 02

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa cụm từ tại Dòng “Thiết lập đường truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang

của EVN” cột B thành cụm từ “Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN”;

- Trước dòng “Dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai” bổ sung thêm 02 dòng với các nội dung cột A, cột B lần lượt là “11” “Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo”, “12” “Dịch vụ thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo”;

- Dòng “Dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai” sửa số “10” cột A thành số “13”.

4.2. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 03

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa cụm từ “Tháng...năm...” thành cụm từ “Quý...năm...”;

- Bổ sung thêm 06 cột sau cột 8, sau khi bổ sung, nội dung các cột từ cột 9 được sửa thành như sau: cột 9 “Số tiền thực tế sử dụng (đồng) Tháng thứ nhất”, cột 10 “Số tiền thực tế sử dụng (đồng) Tháng thứ hai”, cột 11 “Số tiền thực tế sử dụng (đồng) Tháng thứ ba”, cột 12 “Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng) Tháng thứ nhất”, cột 13 “Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng) Tháng thứ hai”, cột 14 “Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng) Tháng thứ ba”, cột 15 “Số hóa đơn Tháng thứ nhất”, cột 16 “Số hóa đơn Số hóa đơn Tháng thứ hai”, cột 17 “Số hóa đơn Tháng thứ ba”, cột 18 “Ghi chú”;

- Phần Ghi chú sửa đổi thành:

“**Ghi chú:** Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những thuê bao có sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau, dịch vụ thông tin di động trong quý và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (9), (10), (11): Ghi số tiền thực tế do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (12), (13), (14): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Cột (15), (16), (17): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.”

4.3. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 08

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Sau dòng “Mã xã 1” cột C sửa các cụm từ “Gói 4Mbps”, “Gói 12Mbps”, “Gói 32Mbps”, “Gói 45Mbps” lần lượt thành các cụm từ “Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps”, “Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps”, “Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps”, “Gói cước từ 45Mbps trở lên”.

4.4. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 09

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Sau dòng “Tỉnh A” cột B sửa cụm từ “Gói 4Mbps”, “Gói 12Mbps”, “Gói 32Mbps”, “Gói 45Mbps” lần lượt thành cụm từ “Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps”, “Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps”, “Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps”, “Gói cước từ 45Mbps trở lên”.

4.5. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 10

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi nội dung các cột từ cột 5 như sau: cột 5 “Số hóa đơn”, cột 6 “Cước truy nhập (đồng)”, cột 7 “Kinh phí hỗ trợ (đồng)”, cột 8 “Số lượng máy tính truy nhập”, cột 9 “Ghi chú”;

- Phần Ghi chú sửa đổi thành:

“**Ghi chú:** Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những điểm có cung cấp dịch vụ trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (5): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.

Cột (6): Ghi giá trị cước phát sinh (chưa bao gồm thuế VAT) do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (7): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Cột (8): Ghi số lượng máy tính thực tế cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng trong tháng.”

4.6. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 18

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bỏ từ “Tỉnh:....” dưới cụm từ “Doanh nghiệp:....”

- Tại Cột (8): Sửa đổi cụm từ “Tổng số” thành cụm từ “Tổng kinh phí hỗ trợ”.

4.7. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 21

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung thêm dòng dưới dòng số 1. Tại ô dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất”.

- Bổ sung thêm dòng dưới dòng số 5. Tại ô dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất”.

- Bổ sung thêm 3 dòng dưới dòng mới bổ sung. Tại ô của 3 dòng mới bổ sung, Cột (B), lần lượt bổ sung các số: “113”, “114”, “115”.

- Bổ sung thêm dòng dưới dòng số 6. Tại ô dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất”.

- Bổ sung thêm dòng dưới dòng số 10. Tại ô dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất”.

- Bổ sung thêm 3 dòng dưới dòng mới bổ sung. Tại ô của 3 dòng mới bổ sung, Cột (B), lần lượt bổ sung các số: “113”, “114”, “115”.

4.8. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 22

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa cụm từ “Lưu lượng phát sinh” thành cụm từ “Sản lượng”.

Bổ sung thêm cột sau Cột (B).

Tại ô dưới ngay dưới ô “Sản lượng” của cột này, bổ sung cụm từ “Đơn vị”.

Tại ô dưới ngay dưới ô “Đơn vị”, bổ sung số “1”.

Tại ô Dòng (1), Cột (B), bổ sung cụm từ “Thuê kênh băng C - VINASAT”.

Tại ô Dòng (2), Cột (B), bổ sung cụm từ “Thuê bao VSAT-IP”.

Tại ô Dòng (3), Cột (A) bỏ số “3”, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thuê bao VSAT-IP”.

Tại ô Dòng (4), Cột (A) bỏ số “4”, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thoại/Fax”.

Tại ô Dòng dưới dòng (4), Cột (A) thêm số “3”, Cột (B), bổ sung cụm từ “Truy nhập Internet của trạm VSAT-IP”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (A) thêm số “4”, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thuê kênh riêng IP”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “2 Mbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “1 Mbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “512 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “256 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “128 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “64 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (A) thêm số “5”, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thiết lập mạng dùng riêng VPN”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “2 Mbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “1 Mbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “512 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “256 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “128 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “64 Kbps”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (A) thêm chữ “6”, Cột (B), bổ sung cụm từ “Viễn thông vệ tinh Inmarsat”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Inmarsat trả sau loại IsatPhone”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Inmarsat trả sau loại BGAN”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thoại đến mạng cố định”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thoại đến mạng di động”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thoại đến BGAN Family”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Thoại đến Inmarsat IsatPhone”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Tin nhắn (SMS)”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Background IP”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Fax 3.1 kHz/ISDN đến BGAN Family”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột (B), bổ sung cụm từ “Đến các mạng vệ tinh khác”.

Tại ô Dòng (1), Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung cụm từ “MHz”.

Tại ô Dòng (3), Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung cụm từ “Thuê bao/tháng”.

Tại ô Dòng (4), Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung cụm từ “Phút”.

Tại ô Dòng dưới dòng (4), Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung cụm từ “Ngày”.

Tại ô Dòng tiếp theo của Dòng tiếp theo của Dòng dưới dòng (4), Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung cụm từ “Ngày/kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo dưới Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Ngày/ kênh”.

Tại ô Dòng tiếp theo dưới Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Thuê bao/ tháng”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Thuê bao/ tháng”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung từ “Phút”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung từ “Phút”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung từ “Phút”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung từ “Phút”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bỏ sung sau Cột (B), bỏ sung cụm từ “Tin nhắn”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung cụm từ “Mbyte”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung từ “Phút”.

Tại ô Dòng tiếp theo, Cột mới bổ sung sau Cột (B), bổ sung từ “Phút”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (1), sửa số “1” thành số “2”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (2), sửa số “2” thành số “3”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (3), sửa số “3” thành số “4”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (4), sửa phép tính “ $4=1+2+3$ ” thành phép tính “ $5=2+3+4$ ”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (5), sửa số “5” thành số “6”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (6), sửa số “6” thành số “7”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (7), sửa số “7” thành số “8”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (8), sửa phép tính “ $8=5+6+7$ ” thành phép tính “ $9=6+7+8$ ”.

Tại ô dòng trên Dòng (1), Cột (9), sửa số “9” thành số “10”.

4.9. Bổ sung Phụ biểu 24

Nội dung bổ sung như sau:

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 24
(Ban hành kèm theo TT số 141./2020/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ THUÊ TRUYỀN DẪN VIBA SỐ RA CÁC HUYỆN ĐẢO
Quý...năm....

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Giá trị hóa đơn				Kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
				Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng giá trị hóa đơn (đồng)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	$4=1+2+3$	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	$8=5+6+7$	<i>9</i>
1												
2												
	Cộng :											

..., ngày....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (1), Cột (2), Cột (3): Ghi giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT. Cột (4): Ghi tổng giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 25
(Ban hành kèm theo TT số 17/2020/TT-BTTTT)

**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DỊCH VỤ
THUÊ KÊNH TRUYỀN DẪN VỆ TINH RA CÁC HUYỆN ĐẢO**
Quý ... năm....

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Sản lượng				Kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
				Tháng thứ nhất (Mhz)	Tháng thứ hai (Mhz)	Tháng thứ ba (Mhz)	Tổng số (Mhz)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	B	C	D	1	2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=5+6+7	9
1												
2												
	Cộng :											

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (1), Cột (2), Cột (3): Ghi dung lượng kênh thuê (Mhz). Cột (4): Ghi tổng số Mhz.
Cột (5), Cột (6), Cột (7): Ghi kinh phí hỗ trợ. Cột (8): Ghi tổng kinh phí hỗ trợ.

5. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 06/DV

5.1. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 02

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Dòng “Thiết lập đường truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN”, Cột (B) sửa thành cụm từ “Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN”.

Bổ sung thêm dòng dưới Dòng số (11).

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (A), bổ sung chữ số 12.

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Dịch vụ thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo”.

Bổ sung thêm dòng dưới Dòng dưới Dòng số (11).

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (A), bổ sung chữ số 13.

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn vệ tinh ra huyện đảo”.

5.2. Sửa đổi, bổ sung Phụ biểu 04

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Dòng “Thiết lập đường truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN”, Cột (B) sửa thành cụm từ “Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN”.

Bổ sung thêm dòng dưới Dòng số (11).

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (A), bổ sung chữ số 12.

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Dịch vụ thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo”.

Bổ sung thêm dòng dưới Dòng dưới Dòng số (11).

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (A), bổ sung chữ số 13.

Tại ô dòng trên Dòng mới bổ sung, Cột (B), bổ sung cụm từ “Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn vệ tinh ra huyện đảo”.

6. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 01/THS

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung cụm từ: “Mẫu 01A/THS” dưới dòng “Mẫu 01/THS - Đơn đề nghị hỗ trợ đầu thu truyền hình số”

- Bổ sung cụm từ “Mẫu 01B/THS” và bổ sung nội dung Mẫu 01B/THS như sau:

Mẫu 01B/THS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Tỉnh (Thành phố)

Họ và tên chủ hộ:

Số CMND..... nơi cấpcấp ngày

Điện thoại:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Mã số hộ nghèo, cận nghèo:

Là chủ hộ gia đình thuộc diện:

Hộ nghèo

Hộ cận nghèo

theo tiêu chuẩn nghèo, cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

Hiện nay, gia đình tôi có máy thu hình, không thu xem được truyền hình số mặt đất DVB-T2 và chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình IPTV.

Tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ đầu thu truyền hình số để sử dụng cho gia đình và cam kết không bán, cho, tặng đầu thu được hỗ trợ. Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày.....tháng...năm...

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN/PHỐ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chỗ ở hiện tại ghi rõ tổ dân phố/thôn, xã/ phường, quận/ huyện, tỉnh (Thành phố).”

7. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 02/THS

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Xóa bỏ cụm từ: **“Danh sách tổng hợp đối tượng được hỗ trợ đầu thu truyền hình số”**.

- Bổ sung 2 cột sau Cột tổng là Cột DVB-T2 và Cột DTH, tại Ô trên Ô DVB-T2 và Ô DTH, bổ sung cụm từ “Trong đó”.

Tại Dòng A, Ô dưới Ô DVB-T2, bổ sung chữ số “2”.

Tại Dòng A, Ô dưới Ô DTH, bổ sung chữ số “3”.

Tại Dòng A, Ô dưới Ô Ghi chú, bổ sung chữ số “4”.

- Bổ sung dòng dưới Bảng cụm từ: *“Ghi chú: Cột (1) = Cột (2) + Cột (3)”*

8. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 03/THS

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Xóa bỏ cụm từ: **“Danh sách hộ nghèo được hưởng hỗ trợ đầu thu truyền hình số”**.

- Bổ sung cụm từ: **“Mẫu 03A/THS**

- Sửa đổi cụm từ: **“DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ”** thành cụm từ: **“DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ”**

- Bổ sung dòng dưới Bảng cụm từ **“Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do.”**

- Bổ sung cụm từ “Mẫu 03B/THS” và bổ sung nội dung Mẫu 03B/THS như sau:

Mẫu 03B/THS

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Số CMND của chủ hộ	Điện thoại	Địa chỉ
A	B	C	1	2	3	4	5

Cách lập biểu:

Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.

Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã

Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.

Cột (2): Ghi mã số hộ nghèo.

Cột (3): Ghi số CMND của chủ hộ.

Cột (4): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).

Cột (5): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố.

Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do.”

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

9. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 04/THS

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Xóa bỏ cụm từ: “**Danh sách hộ nghèo được hưởng hỗ trợ đầu thu truyền hình số**”.

- Bổ sung cụm từ: “**Mẫu 04A/THS**”

- Sửa đổi cụm từ: “**DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**” thành cụm từ: “**DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**”

- Bổ sung dòng dưới Bảng cụm từ “**Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do.**”

- Bổ sung cụm từ “**Mẫu 04B/THS**” và bổ sung nội dung Mẫu 04B/THS như sau

Mẫu 04B/THS

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Số CMND của chủ hộ	Điện thoại	Địa chỉ
A	B	C	1	2	3	4	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Cách lập biểu:

Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.

Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã

Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.

Cột (2): Ghi mã số hộ nghèo.

Cột (3): Ghi số CMND của chủ hộ.

Cột (4): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).

Cột (5): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố.

Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do.”

....., ngày.....tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

10. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 05/THS

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Xóa bỏ cụm từ: “Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ”.

- Bổ sung cụm từ: “Mẫu 05A/THS

- Sửa đổi cụm từ: “KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ ” thành cụm từ: “KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2)”

- Bổ sung cụm từ “Mẫu 05B/THS” và bổ sung nội dung Mẫu 05B/THS như sau:

Mẫu 05B/THS

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

**KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ
VỆ TINH (DTH)**

Tỉnh, Thành phố:

STT	Tỉnh, Thành phố/Huyện/xã	Số lượng (đầu thu)			Kinh phí (triệu đồng)			Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng		
A	B	1	2	3				4	
1	Quận (Huyện)....								
1.1	Xã.....								
1.2	Xã.....								
2	Quận (Huyện)....								
2.1	Xã.....								
2.2	Xã.....								
								
	Cộng								

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”

11. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 06/THS

Nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Xóa bỏ cụm từ: “Bảng kê chi tiết đối tượng đã nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số”.

- Bổ sung cụm từ: “Mẫu 06A/THS

- Sửa cụm từ: “CHỦ ĐẦU TƯ:

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG ĐÃ NHẬN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ” thành cụm từ: “NHÀ THẦU:

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG ĐÃ NHẬN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2)

- Sửa cụm từ: “Ghi chú: + Cột 5 - Địa chỉ: ghi rõ số nhà, thôn/bản/khối phố” thành cụm từ: “Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2) hoặc Cột (3) không có thông tin, đề nghị Nhà thầu ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương”

- Bổ sung cụm từ “Mẫu 06B/THS” và bổ sung nội dung Mẫu 06B/THS như sau:

Mẫu 06B/THS

NHÀ THẦU:

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG ĐÃ NHẬN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH)

Tỉnh, Thành phố:

STT	Quận/ Huyện	Xã/p hường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo, cận nghèo	Số CMND của chủ hộ	Số điện thoại	Địa chỉ	Đối tượng được hỗ trợ		Số thiết bị (Seri number)	Ngày bàn giao/ lắp đặt
								Hộ nghèo	Hộ cận nghèo		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1											
2											
Tổng số hộ được hỗ trợ: hộ											

XÁC NHẬN CỦA
UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

...,ngày....tháng năm
ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2) hoặc Cột (3) không có thông tin, đề nghị Nhà thầu ghi rõ lý do và nhận của chính quyền địa phương